

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:

...Người chìa tay và xin con một đồng. Lần thứ nhất con hãy tặng người ấy hai đồng. Lần thứ hai hãy biếu họ một đồng. Lần thứ ba con phải biết lắc đầu. Và đến lần thứ tư con hãy im lặng, bước đi.

*...Đừng vui quá. Sẽ đến lúc buồn
Đừng quá buồn. Sẽ có lúc vui
Tiến bước mà đánh mất mình. Con ơi, dừng lại.
Lùi bước để hiểu mình. Con cứ lùi thêm nhiều bước nữa. Chẳng sao.*

*...Con hãy nghĩ về tương lai. Nhưng đừng quên quá khứ...
Hãy nói thật ít. Để làm được nhiều - những điều có nghĩa của trái tim.
Nếu cần, con hãy đi thật xa. Để mang về những hạt giống mới. Rồi dâng tặng cho đời. Dù chẳng được trả công.*

*...Hãy hân hoan với điều nhân nghĩa
Đừng hững hờ trước chuyện bất nhân
Và hãy tin vào điều có thật:
Con người - sống để yêu thương.*

(Bùi Nguyễn Trường Kiên, *Gửi con*, NXB Văn hoá - Văn nghệ, 2015)

Câu 1. Xác định những phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản trên.

Câu 2. Em hiểu như thế nào về lời người cha dạy con trong các câu thơ: *Người chìa tay và xin con một đồng. Lần thứ nhất con hãy tặng người ấy hai đồng. Lần thứ hai hãy biếu họ một đồng. Lần thứ ba con phải biết lắc đầu. Và đến lần thứ tư con hãy im lặng, bước đi.*

Câu 3. Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong hai dòng thơ:

*Đừng vui quá. Sẽ đến lúc buồn
Đừng quá buồn. Sẽ có lúc vui.*

Câu 4. Em có đồng tình với quan niệm của tác giả gửi gắm trong những câu thơ sau không?

*Tiến bước mà đánh mất mình. Con ơi, dừng lại
Lùi bước để hiểu mình. Con cứ lùi thêm nhiều bước nữa. Chẳng sao.*

II. LÀM VĂN (16.0 điểm)

Câu 1. (6.0 điểm)

Có ý kiến cho rằng: *Tài sản có giá trị nhất trên đời mà bạn có thể sở hữu chính là một thái độ sống tích cực.*

Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của bản thân về ý kiến trên.

Câu 2. (10.0 điểm)

Bàn về thơ, Xuân Diệu cho rằng:

Người đọc muốn rằng thơ phải xuất phát từ thực tại, từ đời sống, nhưng phải đi qua một tâm hồn, một trí tuệ và khi đi qua như vậy, tâm hồn, trí tuệ phải in dấu ấn vào đó thật sâu sắc, càng cá thể, càng độc đáo, càng hay.

(Xuân Diệu, Toàn tập, Tập 5, NXB Văn học, Hà Nội, 2001, tr 36)

Bằng trải nghiệm văn học về thơ, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

-----Hết-----

Họ tên thí sinh.....Số BD:.....Phòng thi.....

Phần	Câu	Yêu cầu	Điểm
I		Đọc hiểu văn bản	4.0
	1	- Phương thức biểu đạt: nghị luận, biểu cảm, tự sự (HS chỉ cần xác định được 02 phương thức biểu đạt là cho điểm tối đa)	1
	2	- Người cha nhắc nhở con về việc giúp đỡ người khác trong cuộc sống. - Học cách giúp đỡ người khác, nhiệt tình, đúng mực, có giới hạn để sự giúp đỡ ấy phát huy giá trị tốt đẹp.	1
	3	- HS xác định được 02 biện pháp tu từ và chỉ ra dấu hiệu: Điệp ngữ, tương phản (đối lập). - Tác dụng: + Tạo nhịp điệu cho lời thơ. + Nhấn mạnh những quy luật cảm xúc, đời sống, sự chuyển hóa các cung bậc đối nghịch nhau... + Tác giả là người luôn am hiểu cuộc sống.	1
	4	- HS viết thành đoạn văn ngắn với cấu trúc đoạn chặt chẽ; diễn đạt mạch lạc. - Thể hiện quan điểm: đồng ý hoặc không đồng ý. - Lí giải được một cách hợp lý, thuyết phục.	1
II	1	Bài văn nghị luận xã hội: Có ý kiến cho rằng: <i>Tài sản có giá trị nhất trên đời mà bạn có thể sở hữu chính là một thái độ sống tích cực.</i> Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của bản thân về ý kiến trên.	6.0
		a. Xác định đúng yêu cầu của kiểu bài: Nghị luận xã hội.	0.5
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Tài sản có giá trị nhất trên đời mà bạn có thể sở hữu chính là một thái độ sống tích cực.	0.5
		c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu: - Triển khai được hệ thống luận điểm rõ ràng theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận.	4.0

	- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, sắc sảo; bằng chứng phong phú, tiêu biểu, phù hợp; kết hợp chặt chẽ lí lẽ và bằng chứng. Có thể triển khai theo hướng: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận - Giải thích vấn đề (HS giải thích một số từ ngữ quan trọng và rút ra ý nghĩa của ý kiến). Có thể như: + <i>Tài sản</i>: Của cải vật chất và tinh thần có giá trị với chủ sở hữu. + <i>Thái độ sống tích cực</i>: Thái độ chủ động trước cuộc sống, được biểu hiện thông qua cách nhìn, cách nghĩ, cách hành động. => Ý nghĩa cả câu: câu nói khẳng định ý nghĩa to lớn của thái độ sống tích cực từ đó khích lệ động viên con người sống tích cực. - Bày tỏ quan điểm của bản thân và bàn luận ý kiến ở các phương diện: + Người có thái độ sống tích cực cơ hội thành công trong cuộc sống sẽ cao hơn, đồng nghĩa với việc tạo dựng được những thành quả từ chính sức lực, trí tuệ, lối sống của mình. + Những giá trị vật chất sẽ đáp ứng được nhu cầu cuộc sống của cá nhân, góp phần giúp đỡ người thân, cộng đồng. + Những giá trị tinh thần đem lại cho con người nhiều niềm vui, niềm hạnh phúc khi thấy cuộc sống của mình có ích, có nghĩa, được quý trọng, có được sự tự chủ, tự lập, niềm tin, niềm lạc quan, sự vững vàng từ những trải nghiệm cuộc sống. + Thái độ sống tích cực của cá nhân góp phần thúc đẩy xã hội phát triển, tiến bộ, văn minh... (HS nêu dẫn chứng phù hợp để chứng minh) - Mở rộng, nâng cao vấn đề: + Lên án, phê phán lối sống tiêu cực trong xã hội... + Thái độ sống tích cực không có nghĩa là luôn nhìn cuộc sống là màu hồng mà cần nhìn nhận những khó khăn, thất bại là một bài học, tìm giải pháp khắc phục. - Bài học nhận thức và hành động + Nhận thức sâu sắc về ý nghĩa to lớn của thái độ sống tích cực nhất là trong xu thế hội nhập của đất nước... + Tích cực, chủ động phấn đấu rèn luyện trong học tập, trong cuộc sống, bồi dưỡng lòng tự tin, ý thức tự chủ...	
--	--	--

	+ Có cái nhìn đúng đắn về cuộc sống, về mối liên hệ giữa cá nhân với cuộc đời, về trách nhiệm của bản thân với gia đình và xã hội. + Luôn chủ động trước cuộc sống. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	
	<i>d. Sáng tạo:</i> Có cách diễn đạt độc đáo; thể hiện những suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.	0.5
	<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo quy tắc về chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp của tiếng Việt, liên kết văn bản.	0.5
2	Nghị luận văn học: Bàn về thơ, Xuân Diệu cho rằng: <i>Người đọc muốn rằng thơ phải xuất phát từ thực tại, từ đời sống, nhưng phải đi qua một tâm hồn, một trí tuệ và khi đi qua như vậy, tâm hồn, trí tuệ phải in dấu ấn vào đó thật sâu sắc, càng cá thể, càng độc đáo, càng hay.</i> (Xuân Diệu, Toàn tập, Tập 5, NXB Văn học, Hà Nội, 2001, tr 36). Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ ý kiến qua một bài thơ mà em yêu thích.	10.0
	<i>a. Xác định đúng yêu cầu của kiểu bài:</i> Nghị luận văn học. <i>Mở bài:</i> giới thiệu được vấn đề nghị luận, <i>Thân bài:</i> triển khai được vấn đề, <i>Kết bài:</i> khái quát được vấn đề.	0.5
	<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> <i>Người đọc muốn rằng thơ phải xuất phát từ thực tại, từ đời sống, nhưng phải đi qua một tâm hồn, một trí tuệ và khi đi qua như vậy, tâm hồn, trí tuệ phải in dấu ấn vào đó thật sâu sắc, càng cá thể, càng độc đáo, càng hay.</i>	0.5
	<i>c. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu:</i> - Triển khai được hệ thống luận điểm rõ ràng để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, sắc sảo; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp chặt chẽ lí lẽ và bằng chứng; bộc lộ cảm xúc chân thành của người viết. Có thể theo hướng: * Giải thích ý kiến:	8.0 1

	- Nguồn gốc của thơ ca “<i>phải xuất phát từ thực tại</i>”: thơ được sinh ra từ trong hiện thực cuộc đời, từ thế giới tình cảm của con người, là <i>người thư kí trung thành</i> của tâm hồn con người. - Nhưng hiện thực đó “<i>phải đi qua một tâm hồn, một trí tuệ</i>” là hiện thực được cảm nhận qua lăng kính chủ quan của người nghệ sĩ, bộc lộ tư tưởng và tình cảm của người cầm bút. - Nghệ thuật sáng tạo thơ ca “<i>càng cá thể, càng độc đáo, càng hay</i>”: thơ phải mang dấu ấn sáng tạo, thể hiện chất riêng biệt của thi nhân. -> Đối với Xuân Diệu, một tác phẩm thơ cần bắt nguồn từ hiện thực cuộc sống, thể hiện những tìm tòi, sáng tạo mới mẻ, sâu sắc, độc đáo cả về nội dung tư tưởng lẫn hình thức nghệ thuật. Có như vậy, thơ mới trở thành một chỉnh thể nghệ thuật giàu giá trị thẩm mỹ. * Bàn luận: - Ý kiến xuất phát từ đặc trưng văn học: Cuộc sống là điểm xuất phát, là đề tài vô tận, là đối tượng khám phá của văn học, trong đó có thơ ca. + Thơ là tiếng nói của tình cảm, cảm xúc của người nghệ sĩ, nhưng tình cảm, cảm xúc ấy bao giờ cũng bắt rễ từ hiện thực cuộc đời. Hiện thực chính là điểm tựa cho cảm xúc, tình cảm, là cội nguồn không bao giờ vơi cạn để con người trữ tình bộc lộ cảm xúc và suy tưởng. Nếu tách rời hiện thực khách quan, thì cảm xúc và ý nghĩ sẽ không có cơ sở hiện thực để nảy sinh. + Hiện thực chân thực bao giờ cũng có khả năng dồn nén sức biểu cảm, khơi gợi tình cảm mãnh liệt, có sức dư ba lớn. - Vẻ đẹp của thơ ca trước hết thể hiện ở những tư tưởng, tình cảm mà tác phẩm hàm chứa, là dấu ấn trí tuệ, tâm hồn của thi sĩ. Thơ thể hiện thế giới chủ quan của người nghệ sĩ. Tình cảm, tư tưởng trong thơ trước hết là của cá nhân tác giả, là thế giới riêng tư của tác giả nảy sinh từ hiện thực. - Vẻ đẹp của thơ còn được đánh giá ở sự sáng tạo hình thức “<i>càng cá thể, càng độc đáo, càng hay</i>”: + Bản chất nghệ thuật là sáng tạo, vì thế thơ ca không chỉ đòi hỏi nhà thơ phải in dấu tâm hồn, thể hiện cảm xúc mà còn phải in dấu cả trí tuệ, thể hiện tài năng trong việc sáng tạo hình thức biểu hiện. Thiếu sự sáng tạo thì tác phẩm và tên tuổi của tác giả sẽ không thể tồn tại. + Sự sáng tạo về hình thức biểu hiện của thơ ca rất phong phú, từ thể loại, cấu tứ, ngôn ngữ, hình ảnh thơ... Sự sáng tạo này tạo nên cách nói mới về những đề tài không mới, làm nên sự không lặp lại mình, không lặp lại người khác, đồng thời mang đến sức sống của thơ.	2
--	--	---

	3. Chứng minh Học sinh chọn tác phẩm phù hợp, có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau để làm nổi bật vấn đề: - Bài thơ “xuất phát từ thực tại” - Bài thơ thể hiện vẻ đẹp tâm hồn, trí tuệ của tác giả - Bài thơ in dấu ấn rõ nét về đẹp sáng tạo độc đáo của thi sĩ *Lưu ý: Nếu HS chỉ phân tích chung chung không làm rõ định hướng thì cho tối đa 2,0 điểm. 4. Đánh giá, nâng cao vấn đề – Nhận định của Xuân Diệu không chỉ đúng trong lĩnh vực sáng tạo thơ ca mà còn đặt ra yêu cầu cho mọi sáng tạo nghệ thuật nói chung. - Khẳng định và lí giải thành công của tác phẩm thơ trong văn học - Bài học cho người nghệ sĩ sáng tạo và người tiếp nhận: + Đối với người sáng tạo: trau dồi vốn sống, sống sâu sắc với thế giới nội tâm của mình, lao động công phu, nỗ lực không ngừng trong hoạt động sáng tạo nghệ thuật. + Đối với người đọc: tiếp nhận tác phẩm bằng toàn bộ thế giới tinh thần của mình trên tinh thần đối thoại, đồng sáng tạo với nhà thơ để thấy được những đóng góp của nhà thơ cả về nội dung, tư tưởng và nghệ thuật. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	4 1
	d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt độc đáo; thể hiện những suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.	0.5
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc về chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp của tiếng Việt.	0.5
Tổng điểm		20.0

*** Lưu ý khi chấm bài:**

- Giám khảo cần nắm vững yêu cầu chấm để đánh giá tổng quát bài làm của học sinh, tránh đếm ý cho điểm một cách máy móc, vận dụng linh hoạt Hướng dẫn chấm.

- Khuyến khích những bài làm có tính sáng tạo, nội dung bài viết có thể không trùng với yêu cầu trong Hướng dẫn chấm nhưng lập luận thuyết phục, văn phong sáng rõ,...

Phần	Câu	Yêu cầu	Điểm
I		Đọc hiểu văn bản	4.0
	1	- Phương thức biểu đạt: nghị luận, biểu cảm, tự sự (HS chỉ cần xác định được 02 phương thức biểu đạt là cho điểm tối đa)	1
	2	- Người cha nhắc nhở con về việc giúp đỡ người khác trong cuộc sống. - Học cách giúp đỡ người khác, nhiệt tình, đúng mực, có giới hạn để sự giúp đỡ ấy phát huy giá trị tốt đẹp.	1
	3	- HS xác định được 02 biện pháp tu từ và chỉ ra dấu hiệu: Điệp ngữ, tương phản (đối lập). - Tác dụng: + Tạo nhịp điệu cho lời thơ. + Nhấn mạnh những quy luật cảm xúc, đời sống, sự chuyển hóa các cung bậc đối nghịch nhau... + Tác giả là người luôn am hiểu cuộc sống.	1
	4	- HS viết thành đoạn văn ngắn với cấu trúc đoạn chặt chẽ; diễn đạt mạch lạc. - Thể hiện quan điểm: đồng ý hoặc không đồng ý. - Lí giải được một cách hợp lý, thuyết phục.	1
II	1	Bài văn nghị luận xã hội: Có ý kiến cho rằng: <i>Tài sản có giá trị nhất trên đời mà bạn có thể sở hữu chính là một thái độ sống tích cực.</i> Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của bản thân về ý kiến trên.	6.0
		a. Xác định đúng yêu cầu của kiểu bài: Nghị luận xã hội.	0.5
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Tài sản có giá trị nhất trên đời mà bạn có thể sở hữu chính là một thái độ sống tích cực.	0.5
		c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu: - Triển khai được hệ thống luận điểm rõ ràng theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận.	4.0

	- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, sắc sảo; bằng chứng phong phú, tiêu biểu, phù hợp; kết hợp chặt chẽ lí lẽ và bằng chứng. Có thể triển khai theo hướng: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận - Giải thích vấn đề (HS giải thích một số từ ngữ quan trọng và rút ra ý nghĩa của ý kiến). Có thể như: + <i>Tài sản</i>: Của cải vật chất và tinh thần có giá trị với chủ sở hữu. + <i>Thái độ sống tích cực</i>: Thái độ chủ động trước cuộc sống, được biểu hiện thông qua cách nhìn, cách nghĩ, cách hành động. => Ý nghĩa cả câu: câu nói khẳng định ý nghĩa to lớn của thái độ sống tích cực từ đó khích lệ động viên con người sống tích cực. - Bày tỏ quan điểm của bản thân và bàn luận ý kiến ở các phương diện: + Người có thái độ sống tích cực cơ hội thành công trong cuộc sống sẽ cao hơn, đồng nghĩa với việc tạo dựng được những thành quả từ chính sức lực, trí tuệ, lối sống của mình. + Những giá trị vật chất sẽ đáp ứng được nhu cầu cuộc sống của cá nhân, góp phần giúp đỡ người thân, cộng đồng. + Những giá trị tinh thần đem lại cho con người nhiều niềm vui, niềm hạnh phúc khi thấy cuộc sống của mình có ích, có nghĩa, được quý trọng, có được sự tự chủ, tự lập, niềm tin, niềm lạc quan, sự vững vàng từ những trải nghiệm cuộc sống. + Thái độ sống tích cực của cá nhân góp phần thúc đẩy xã hội phát triển, tiến bộ, văn minh... (HS nêu dẫn chứng phù hợp để chứng minh) - Mở rộng, nâng cao vấn đề: + Lên án, phê phán lối sống tiêu cực trong xã hội... + Thái độ sống tích cực không có nghĩa là luôn nhìn cuộc sống là màu hồng mà cần nhìn nhận những khó khăn, thất bại là một bài học, tìm giải pháp khắc phục. - Bài học nhận thức và hành động + Nhận thức sâu sắc về ý nghĩa to lớn của thái độ sống tích cực nhất là trong xu thế hội nhập của đất nước... + Tích cực, chủ động phấn đấu rèn luyện trong học tập, trong cuộc sống, bồi dưỡng lòng tự tin, ý thức tự chủ...	
--	--	--

	+ Có cái nhìn đúng đắn về cuộc sống, về mối liên hệ giữa cá nhân với cuộc đời, về trách nhiệm của bản thân với gia đình và xã hội. + Luôn chủ động trước cuộc sống. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	
	<i>d. Sáng tạo:</i> Có cách diễn đạt độc đáo; thể hiện những suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.	0.5
	<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo quy tắc về chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp của tiếng Việt, liên kết văn bản.	0.5
2	Nghị luận văn học: Bàn về thơ, Xuân Diệu cho rằng: <i>Người đọc muốn rằng thơ phải xuất phát từ thực tại, từ đời sống, nhưng phải đi qua một tâm hồn, một trí tuệ và khi đi qua như vậy, tâm hồn, trí tuệ phải in dấu ấn vào đó thật sâu sắc, càng cá thể, càng độc đáo, càng hay.</i> (Xuân Diệu, Toàn tập, Tập 5, NXB Văn học, Hà Nội, 2001, tr 36). Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ ý kiến qua một bài thơ mà em yêu thích.	10.0
	<i>a. Xác định đúng yêu cầu của kiểu bài:</i> Nghị luận văn học. <i>Mở bài:</i> giới thiệu được vấn đề nghị luận, <i>Thân bài:</i> triển khai được vấn đề, <i>Kết bài:</i> khái quát được vấn đề.	0.5
	<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> <i>Người đọc muốn rằng thơ phải xuất phát từ thực tại, từ đời sống, nhưng phải đi qua một tâm hồn, một trí tuệ và khi đi qua như vậy, tâm hồn, trí tuệ phải in dấu ấn vào đó thật sâu sắc, càng cá thể, càng độc đáo, càng hay.</i>	0.5
	<i>c. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu:</i> - Triển khai được hệ thống luận điểm rõ ràng để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, sắc sảo; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp chặt chẽ lí lẽ và bằng chứng; bộc lộ cảm xúc chân thành của người viết. Có thể theo hướng: * Giải thích ý kiến:	8.0 1

	- Nguồn gốc của thơ ca “<i>phải xuất phát từ thực tại</i>”: thơ được sinh ra từ trong hiện thực cuộc đời, từ thế giới tình cảm của con người, là <i>người thư kí trung thành</i> của tâm hồn con người. - Nhưng hiện thực đó “<i>phải đi qua một tâm hồn, một trí tuệ</i>” là hiện thực được cảm nhận qua lăng kính chủ quan của người nghệ sĩ, bộc lộ tư tưởng và tình cảm của người cầm bút. - Nghệ thuật sáng tạo thơ ca “<i>càng cá thể, càng độc đáo, càng hay</i>”: thơ phải mang dấu ấn sáng tạo, thể hiện chất riêng biệt của thi nhân. -> Đối với Xuân Diệu, một tác phẩm thơ cần bắt nguồn từ hiện thực cuộc sống, thể hiện những tìm tòi, sáng tạo mới mẻ, sâu sắc, độc đáo cả về nội dung tư tưởng lẫn hình thức nghệ thuật. Có như vậy, thơ mới trở thành một chỉnh thể nghệ thuật giàu giá trị thẩm mĩ. * Bàn luận: - Ý kiến xuất phát từ đặc trưng văn học: Cuộc sống là điểm xuất phát, là đề tài vô tận, là đối tượng khám phá của văn học, trong đó có thơ ca. + Thơ là tiếng nói của tình cảm, cảm xúc của người nghệ sĩ, nhưng tình cảm, cảm xúc ấy bao giờ cũng bắt rễ từ hiện thực cuộc đời. Hiện thực chính là điểm tựa cho cảm xúc, tình cảm, là cội nguồn không bao giờ vơi cạn để con người trữ tình bộc lộ cảm xúc và suy tưởng. Nếu tách rời hiện thực khách quan, thì cảm xúc và ý nghĩ sẽ không có cơ sở hiện thực để nảy sinh. + Hiện thực chân thực bao giờ cũng có khả năng dồn nén sức biểu cảm, khơi gợi tình cảm mãnh liệt, có sức dư ba lớn. - Vẻ đẹp của thơ ca trước hết thể hiện ở những tư tưởng, tình cảm mà tác phẩm hàm chứa, là dấu ấn trí tuệ, tâm hồn của thi sĩ. Thơ thể hiện thế giới chủ quan của người nghệ sĩ. Tình cảm, tư tưởng trong thơ trước hết là của cá nhân tác giả, là thế giới riêng tư của tác giả nảy sinh từ hiện thực. - Vẻ đẹp của thơ còn được đánh giá ở sự sáng tạo hình thức “<i>càng cá thể, càng độc đáo, càng hay</i>”: + Bản chất nghệ thuật là sáng tạo, vì thế thơ ca không chỉ đòi hỏi nhà thơ phải in dấu tâm hồn, thể hiện cảm xúc mà còn phải in dấu cả trí tuệ, thể hiện tài năng trong việc sáng tạo hình thức biểu hiện. Thiếu sự sáng tạo thì tác phẩm và tên tuổi của tác giả sẽ không thể tồn tại. + Sự sáng tạo về hình thức biểu hiện của thơ ca rất phong phú, từ thể loại, cấu tứ, ngôn ngữ, hình ảnh thơ... Sự sáng tạo này tạo nên cách nói mới về những đề tài không mới, làm nên sự không lặp lại mình, không lặp lại người khác, đồng thời mang đến sức sống của thơ.	2
--	--	---

	3. Chứng minh Học sinh chọn tác phẩm phù hợp, có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau để làm nổi bật vấn đề: - Bài thơ “xuất phát từ thực tại” - Bài thơ thể hiện vẻ đẹp tâm hồn, trí tuệ của tác giả - Bài thơ in dấu ấn rõ nét về đẹp sáng tạo độc đáo của thi sĩ *Lưu ý: Nếu HS chỉ phân tích chung chung không làm rõ định hướng thì cho tối đa 2,0 điểm. 4. Đánh giá, nâng cao vấn đề – Nhận định của Xuân Diệu không chỉ đúng trong lĩnh vực sáng tạo thơ ca mà còn đặt ra yêu cầu cho mọi sáng tạo nghệ thuật nói chung. - Khẳng định và lí giải thành công của tác phẩm thơ trong văn học - Bài học cho người nghệ sĩ sáng tạo và người tiếp nhận: + Đối với người sáng tạo: trau dồi vốn sống, sống sâu sắc với thế giới nội tâm của mình, lao động công phu, nỗ lực không ngừng trong hoạt động sáng tạo nghệ thuật. + Đối với người đọc: tiếp nhận tác phẩm bằng toàn bộ thế giới tinh thần của mình trên tinh thần đối thoại, đồng sáng tạo với nhà thơ để thấy được những đóng góp của nhà thơ cả về nội dung, tư tưởng và nghệ thuật. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	4 1
	d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt độc đáo; thể hiện những suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.	0.5
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc về chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp của tiếng Việt.	0.5
Tổng điểm		20.0

*** Lưu ý khi chấm bài:**

- Giám khảo cần nắm vững yêu cầu chấm để đánh giá tổng quát bài làm của học sinh, tránh đếm ý cho điểm một cách máy móc, vận dụng linh hoạt Hướng dẫn chấm.

- Khuyến khích những bài làm có tính sáng tạo, nội dung bài viết có thể không trùng với yêu cầu trong Hướng dẫn chấm nhưng lập luận thuyết phục, văn phong sáng rõ,...

